

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2021/HSST

Ngày: 30/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Quốc Đâu**
2. Bà **Dương Thị Thúy Vinh**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Đặng Văn Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà:* Ông **Trần Minh Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021; tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 296/2021/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 455/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Viết D**; Sinh năm: 1970 tại thành phố V, tỉnh NA; Nơi cư trú: Xóm 11, xã N, thành phố V, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn U, Sinh năm: 1930 và bà: Nguyễn Thị K (Đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1972 và có 01 con: sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Bản án số 93/HSST ngày 23/10/1992 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Bản án số 67/HS-ST ngày 23/6/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Ngày 01/11/1999, Công an thành phố Vinh xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 18/10/2000, Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 165/HSST ngày 20/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021, được trả tự do áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 05 tháng 8 năm 2021, bị bắt tạm giam đến nay, có mặt tại phiên toà.

2. **Nguyễn Văn M**; Sinh ngày: 03 tháng 02 năm 1991 tại thành phố V, tỉnh NA; Nơi cư trú: Xóm 12, xã N, thành phố V, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, Sinh năm: 1952 và bà: Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1958; Có vợ: Bùi Thanh T, sinh năm: 1998 và có 02 con: lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 407/2020/HSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 05 tháng 10 ngày tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2020; Nhân thân:

- Bản án số 452/2009/HSST ngày 24/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 6 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt, ra trại năm 2013.

- Quyết định số 369/QĐ-XPVPHC ngày 01/8/2018 của Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Ném chất bẩn vào nhà ở của người khác”. Nộp tiền phạt ngày 06/8/2018.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021, được trả tự do áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

*. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn M* (do bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi): Chị Bùi Thanh T, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Xóm 12, xã N, thành phố V, tỉnh NA (Là vợ bị cáo). Có mặt tại phiên tòa.

*. *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn M* (do bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi): **Ông Lê Đăng T**; Luật sư của Văn phòng Luật sư T, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh NA; Có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Văn T**; Sinh ngày: 20 tháng 10 năm 1991 tại huyện N, tỉnh NA; Nơi cư trú: Xóm 2, xã NP, huyện N, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Bá Q, Sinh năm: 1958 và bà: Mai Thị T (đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021, được trả tự do áp dụng biện pháp Cấm

đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 06 tháng 8 năm 2021, bị bắt tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*. Bị hại: 1. Anh **Lương Văn H**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Xóm 14, xã NĐ, thành phố V, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Nguyễn Công T1**; Sinh năm: 1995; Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã T, huyện Đ, tỉnh NA; Chỗ ở hiện nay: Xóm 12, xã NĐ, thành phố V, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:*

+ Anh **Phan Viết G**; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Xóm 13, xã N, thành phố V, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Nguyễn Văn T2**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Xóm T, xã NÂ, thành phố V, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22 tháng 01 năm 2021 đến ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại khu vực bãi đất trống đường 72 mét thuộc địa bàn xóm 19, xã N, thành phố V, tỉnh NA; Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T đã có những lời nói, hành động nhằm uy hiếp tinh thần các anh Nguyễn Công T1 và Lương Văn H là những cá nhân buôn bán đào, quất cảnh phục vụ Tết nguyên đán để thu tiền trái pháp luật. Cụ thể: Lê Viết D và Phạm Văn T thực hiện 02 hành vi chiếm đoạt của anh Nguyễn Công T1 số tiền 5.500.000 đồng; chiếm đoạt của anh Lương Văn H số tiền 5.500.000 đồng. Nguyễn Văn M thực hiện 01 hành vi chiếm đoạt của anh Lương Văn H số tiền 5.500.000 đồng. Đến 9 giờ ngày 28/01/2021, khi Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T đang thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của anh Lương Văn H thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố V, tỉnh NA phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản cáo trạng số 327/CT-VKS-TPV ngày 06/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố các bị cáo Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Viết D không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã quy kết mà khai nhận như sau: khoảng 8 giờ ngày 28/01/2021, D nhận được điện thoại của T nói là có người đến đặt đào bên cạnh bãi của T thì D nói: “Để anh chạy đến”. Sau đó, D qua nhà của M rồi chở M cùng đi lên bãi bán cây dịp tết của T trên đường 72m, đoạn chạy qua xã N. Khi D và M đến nơi thì thấy T đang đứng với T2, G. Lúc này D chạy tới gần

nam thanh niên vừa đặt đào trước đó rồi nói: “Nhờ anh xích sang một tít”. Nam thanh niên này không chịu nhưng sau đó nam thanh niên này đưa tiền cho D thì D không cầm nên nam thanh niên này đưa 5.500.000 đồng cho M. M nhận lấy số tiền trên thì D, T, M sang quán cà phê gần đó ngồi uống nước. Tại đây, D hỏi vay mượn M 3.000.000 đồng để đi chuộc nhẫn thì M đồng ý và đưa tiền cho D. Lúc này có cơ quan Công an đến bắt quả tang và đưa cả D, M, T về trụ sở để làm việc.

Đồng thời, D không thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng của anh Nguyễn Công T1, không thừa nhận là có biết hoặc có trao đổi nội dung gì với anh T1, không thừa nhận việc lấy tiền của anh T1. Chỉ biết là vào ngày 24/01/2021, T có đưa cho D số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền T đưa cho D là tiền bán cây của T. Mục đích T đưa tiền cho D là do D bán cây với T nên T chia tiền cho D.

Trong khi đó, bị cáo Phạm Văn T khai nhận như sau: Vào dịp Tết Nguyên đán năm 2021, do có nhu cầu bán cây cảnh phục vụ người dân chơi Tết nên T đã gọi điện cho Lê Viết D để xin phép D cho T được bán cây tại khu vực ngã tư đường 72m giao nhau với đại lộ Lê nin thì bị cáo D đồng ý. Vào đêm ngày 08/12/2020 (âm lịch) tức ngày 20/01/2021, T chở cây đến khu vực ngã tư đường 72m, giao nhau với Đại lộ Lê nin thì D đến gặp T và T đưa cho D 7.000.000 đồng. Vào sáng ngày 21/01/2021, D đến chỗ T bán cây nói với T: “nếu có ai cần thuê chỗ để bán quất, bán đào thì gọi điện cho anh, anh sắp xếp bãi cho” thì T đồng ý. Sở dĩ T đồng ý vì T nghĩ D là người có thể sắp xếp chỗ cho những người bán quất, bán đào tại khu vực ngã tư đường 72m. Một lúc sau có anh Nguyễn Công T1 đến hỏi đất để bán cây thì T nói chỗ này không đặt được, có người đặt rồi, em muốn đặt thì em đặt đằng sau. Đến sáng ngày 22/01/2021, T đang đứng bán cây thì thấy anh T1 đặt cây đào xuống để bán thì T không đồng ý cho đặt vào vị trí đó vì phần đất đó bị cáo D đã chia cho T. Sau đó anh T1 xin đặt tạm để bán thì T đồng ý cho anh T1 đặt hết ngày 15 âm lịch. Buổi trưa cùng ngày Lê Viết D đến và T đi cùng D đến nói chuyện sắp xếp chỗ bán với T1. Lúc này D phân vị trí bán đào cho T1 rồi ra về. Sáng ngày 23/1/2021, T gọi điện cho T1 thông báo là tình hình cây của ông anh sắp về, em xuống đây để chuyển cây đi thì T1 hẹn sáng mai đến chuyển cây. Đến khoảng 11h cùng ngày T và D đang ngồi uống cà phê thì thấy T1 đi đến và nói với T, với D là sẽ đặt cọc trước 5.500.000 đồng thì D đồng ý. T1 đặt tiền ra giữa bàn thì T cầm lên đếm đủ và T đưa cho D.

Đến ngày 28/1/2021, lúc T đang bán cây có một xe chở đào cùng với hai, ba người đến hạ đào xuống bên cạnh bãi của T để bán. Thấy những người này

đến thì T nói ở đây có người thuê rồi, ở đây mai một nhà em đặt quất thì họ không đồng ý nên T đã gọi điện thoại cho Lê Viết D. Khi D ra đến nơi có nói người nam thanh niên đặt cây là không được đặt cây ở đây nhưng họ không đồng ý nên D đi đâu một lát rồi quay về chờ theo Nguyễn Văn M. Lúc này M đến nói chuyện với người đặt đào xuống thì một lúc sau họ đưa tiền cho D nhưng D không cầm nên họ đưa cho M và M cầm số tiền nêu trên. Đúng lúc này thì cơ quan Công an đến bắt và đưa T, D, M về trụ sở cơ quan Công an để làm việc.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận: Vào khoảng 9 giờ ngày 28/01/2021, M đang ở nhà thì nhận được điện thoại của D nói với M: “Đi ra bãi bán hoa Tết có lộn xộn”. Một lúc sau D đến và chờ M đi đến khu vực đường 72m. Khi ra đến nơi M thấy có một nhóm thanh niên mà sau này M biết trong đó có anh Lương Văn H. Lê Viết D nói với bị cáo qua nói với anh H là “Muốn thuê chỗ đặt cây, nộp tiền bên bãi thế nào thì qua gặp D” nên bị cáo qua gặp anh H và chỉ nói đúng một câu là “Muốn thuê chỗ đặt cây, nộp tiền bên bãi thế nào thì qua gặp chú D cho đảng hoàng” nên sau đó anh H qua đưa tiền cho chú D thì chú D không cầm nên anh H đưa tiền cho M, M cầm tiền đếm được 5.500.000 đồng rồi cùng D đi vào quán cà phê bên cạnh bãi đất trống. Tại đây M đưa toàn bộ số tiền cho D, Lê Viết D cầm tiền và chia cho M số tiền 1.500.000 đồng, còn D cầm 4.000.000 đồng. Khi D đang chia số tiền trên cho M thì bị tổ công tác Công an thành phố Vinh phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của Lê Viết D số tiền 4.000.000 đồng, thu giữ của Nguyễn Văn M số tiền 1.500.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ của Lê Viết D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số sim 0915.501970; thu giữ của Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số sim 0978.682882; thu giữ của Phạm Văn T 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng có số sim 0982.134171. M thừa nhận mục đích đi cùng D ra bãi bán hoa là để giúp D lấy tiền của những người bán hoa, cây cảnh; nếu những người này chống đối thì M sẽ giúp D đe dọa, cản trở, gây khó khăn cho việc kinh doanh của những người bán đào, quất như cho xe cẩu đến cẩu cây cảnh của họ đi nơi khác... M nhận thức được việc anh H đưa tiền là hoàn toàn miễn cưỡng, do muốn được yên ổn để buôn bán, kinh doanh cây cảnh tại đây.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Lương Văn H trình bày: Khoảng 8 giờ 45 phút ngày 28/01/2021, khi H đang sắp xếp các cây đào vào khu vực bãi đất đã hợp đồng với UBND xã N thì có một nam thanh niên tên là T đang bán cây cảnh gần chỗ H chạy đến hô lên “Không được đặt đào xuống, bãi có người thuê rồi”, H nói “Chỗ ni là em thuê của UBND xã N rồi” và H tiếp tục để cây đào xuống. Một lúc sau, có người đàn ông tên là Lê Viết D đi đến cùng với T đến gặp H, khi đó D nói

“Bãi ni choa cho người khác thuê rồi, mi đưa đào đi chỗ khác mà đặt” thì H trả lời: “Em thuê của ủy ban xã rồi”. Nghe H nói xong thì D có nói “Về lấy đồ đập chết cha hấn đi” rồi bỏ đi. Một lúc sau Nguyễn Văn M đến gặp H và nói với H “Muốn thuê chỗ bán cây thì lại gặp chú D đưa tiền bến bãi cho đảng hoàng”. Vì lo sợ bị đánh đập phá hư hỏng cây đào, thiệt hại đến kinh tế, ảnh hưởng đến công việc buôn bán nên H miễn cưỡng mang theo số tiền 5.500.000 đồng đến gặp Lê Viết D và nói: “Em đưa anh tiền thuê bến bãi để bán đào” thì D nói H đưa cho M. H cầm 5.500.000 đồng đưa cho M, M cầm tiền và đếm đủ số tiền trên rồi sau đó D, M và T và bỏ đi.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Công T1 trình bày: Vào ngày 21/01/2021, khi T1 đang dọn dẹp mặt bằng thì có người đàn ông tên là T đến gặp T1 và nói “Chỗ này không được đặt cây, có người đặt rồi”. T1 trả lời: “Tôi đã xin UBND xã N rồi” thì T nói “Xã ở đây không liên quan gì, muốn bán ở đây thì đưa cho anh 17.000.000 đồng” thì T1 không đồng ý và đi về. Ngày 21/01/2021, T1 đưa đào đến đặt tại vị trí đã được bàn giao, T tiếp tục ra gặp và không cho T1 đặt đào xuống, rồi T gọi điện thoại cho ai đó rồi quay lại nói với T1 “Chỉ được đặt ở đây đến ngày 15 âm lịch”. Một lúc sau T đi cùng một người đàn ông tên D đi đến gặp T1 và không cho T1 đặt cây ở đây đồng thời còn dọa là nếu không chuyển cây đi chỗ khác thì cho quân ra phá khiến T1 hoang mang và lo lắng nên sang ngày hôm sau T1 không dám gặp mặt T và D thì nghe có người gọi điện thoại nói là D đã cho xe cẩu cẩu cây của T1 chuyển ra phía sau. T1 lo sợ nếu tiếp tục không đưa tiền cho D và T thì ảnh hưởng đến việc kinh doanh và hư hỏng hết đào, quất, thiệt hại đến kinh tế nên T1 hẹn T sáng ngày 24/01/2021 đến nói chuyện. Khoảng 11 giờ ngày 24/01/2021, T1 gọi điện thoại đến số thuê bao 0982.134171 của T để hẹn T và D đến nói chuyện. Khi T1 gặp T và D tại bãi đất gần khu vực T1 bán cây cảnh thì D nói: “Quất của thằng em tau về mà bay chưa đóng tiền cho tau, tau dùng cẩu đưa cây về phía sau”. Lúc này T nói: “Từ bữa giờ em xuống hàng đến giờ, vấn đề tiền bạc anh đã nói trước với em rồi nhưng em chưa gửi cho anh, em có ở đây thì gửi cho anh một ít”. Trước sự đe dọa của D và T nếu T1 không đưa tiền thì sẽ không được yên ổn buôn bán và gây thiệt hại kinh tế nên T1 nói với D và T là đưa trước 5.500.000 đồng. T nói: “Chi mà ít rứa, ít nhất cũng phải 10.000.000 đồng”. T1 nói “Để em bán được thêm hàng rồi em gửi thêm”. Sau đó, T1 đưa cho T 5.500.000 đồng, T đếm tiền xong và cầm đưa cho D cầm. D cầm tiền và nói với T1 “Ít bữa thằng em của anh cho quất về thì nhà em chuyển ra bãi phía sau, mấy tiền anh cũng không để cho em, bán hàng ở đây thì yên tâm, vấn đề xã hội, công an anh lo hết”. Sau đó thì T1 ra về. Quá trình bị T, D chiếm đoạt tiền, T1 đã dùng điện

thoại di động quay lại toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội nên sau đó T1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh tố cáo hành vi phạm tội của các bị cáo và giao nộp lại toàn bộ hình ảnh camera đã quay lại được.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Phan Viết G trình bày: Vào ngày 23/01/2021, G cùng với bạn là Phan Văn T cùng nhau góp vốn để bán cây cảnh vào dịp Tết Nguyên đán 2021. Đêm ngày 23/01/2021, khi G đang bốc cây cảnh xuống khu vực đường 72m thuộc địa bàn xã N, thành phố V thì nghe T nói lại: “Tui có đóng cho anh D 7.000.000 đồng”. G hiểu đó là tiền thuê bến bãi để đặt cây quất, cây đào bán Tết. Còn vào khoảng 9 giờ ngày 28/01/2021, G chạy ra đường 72m để bán cây cảnh cùng T thì thấy một người đàn ông (tại phiên tòa ngày hôm nay G xác định đó là anh Lương Văn H) chở đào đến khu vực trên định dỡ đào xuống để bán thì D, T đi đến và không cho anh H đặt cây vì nói là có người thuê rồi. Anh H có nói là anh H đã thuê của UBND xã N rồi nhưng T và D không đồng ý và D bỏ đi. Một lúc sau, D chở M quay lại, M đến gặp anh H nên sau đó anh H có đưa tiền cho D nhưng D không nhận mà nói đưa tiền cho M. Anh G thấy anh H đưa cho M một tập tiền 500.000 đồng, sau đó D, M, T đi đến quán cà phê. Tại quán cà phê, anh G thấy M đưa lại toàn bộ số tiền lúc nãy anh H đưa cho M để đưa cho D, D cầm toàn bộ tiền và có đưa lại cho M một vài tờ 500.000 đồng, còn cụ thể là mấy tờ thì anh G không rõ.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Vào khoảng 8 giờ 40 phút ngày 28/01/2021, T2 đang đứng bán cây cảnh tại khu vực đường 72m thuộc xóm 19, xã N, thành phố V thì có một nam thanh niên, tại phiên tòa ngày hôm nay T2 xác định là anh Lương Văn H, đang dỡ đào từ xe ô tô xuống để bán thì D và T đi đến, không cho anh H đặt cây. Anh H nói là đã thuê của UBND xã N rồi nhưng D không đồng ý và bỏ đi. Một lúc sau, D chở M đến, khi M đến gặp anh H nên sau đó anh H đưa một tập tiền 500.000 đồng cho D thì D không cầm nên anh H đưa cho M. Sau đó, D, M, T đi vào quán cà phê gần đó ngồi. Tại quán cà phê, anh H nhìn thấy M đưa lại toàn bộ số tiền lúc nãy anh H đưa cho M để đưa cho D, D cầm toàn bộ tiền và có đưa lại cho M một vài tờ 500.000 đồng, còn cụ thể là mấy tờ thì anh T2 không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như tại Bản cáo trạng số 327/CT-VKS-TPV ngày 06/8/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Lê Viết D từ 18 đến 21 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 12 đến 15 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề nghị: - Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn T: bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại anh Nguyễn Công T1: 5.500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015, Điều 47 BLHS 2015: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số sim 0915.501970 thu giữ của Lê Viết D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số sim 0978.682882 thu giữ của Nguyễn Văn M; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng có số sim 0982.134171 thu giữ của Phạm Văn T. Trả lại cho bị hại anh Lương Văn H số tiền: 5.500.000 đồng hiện đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh NA. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 1.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M không tranh luận về tội danh và chứng cứ mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa.

Tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn M và Lê Viết D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Viết D không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bị cáo vẫn thừa nhận bị cáo không phải là chủ sở hữu và cũng không có quyền sử dụng bãi đất trống thuộc dải phân cách đường 72 mét, đoạn qua xóm 19, xã N, thành phố V; đây là khu vực thuộc UBND xã N quản lý, bị cáo không được cơ quan chức năng giao nhiệm vụ hay quyền hạn gì liên quan đến khu đất trên. Mục đích của bị cáo vào sáng ngày 28/01/2021, khi yêu cầu anh H không được đặt cây tại bãi đất này và sau đó chở bị cáo M đến khu vực này là để thu tiền thuê bến bãi của anh H. Bị cáo khai rằng không biết M đã trao đổi những gì với anh H nhưng vẫn thừa nhận sau khi anh H đưa cho M số tiền 5.500.000 đồng thì bị cáo cùng T, M mới rời khỏi khu vực này. Về hành vi thực hiện vào ngày 24/01/2021 đối với anh Nguyễn Công T1, tuy lúc đầu bị cáo không thừa nhận có việc gặp gỡ, không quen biết, không lấy tiền của anh T1 nhưng sau khi được xem trích xuất hình ảnh camera có tại hồ sơ vụ án thì bị cáo thừa nhận người gặp gỡ anh T1 vào hồi 12 giờ 57 phút đến 13 giờ 02 phút ngày 24/01/2021 là bị cáo và Phạm Văn T. Tại cuộc gặp này, anh T1 có đưa số tiền 5.500.000 đồng cho T là người nhận tiền và đây là tiền bến bãi bị cáo thu bất hợp pháp của anh T1. Mặt khác, tuy không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bị cáo cũng không lý giải được vì sao sau khi bị bắt quả tang vào ngày 28/01/2021 đến ngày 06/02/2021, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ sau ngày 06/02/2021 thì bị cáo mới phản cung không thừa nhận hành vi phạm tội. Đặc biệt tại phần đầu xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau khi xem trích xuất hình ảnh camera có tại hồ sơ vụ án thì bị cáo lại nhận tội, nhận thức được sự sai trái trong hành vi phạm tội của mình nên khi tham gia tranh luận tại phiên tòa thì bị cáo lại đồng ý với Luận tội của Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng bị cáo lại xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, những lời khai của bị cáo là đầy mâu thuẫn, quanh co và không phù hợp với thực tế.

Vì vậy, căn cứ vào: - Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Viết D tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 131 – 136); Bản tự khai ngày 28/01/2021; Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2021; Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/02/2021; Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/5/2021 (BL 244, 255, 259, 260, 263).

- Lời khai nhận tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa của các bị cáo Nguyễn Văn M và Phạm Văn T.

- Lời khai trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa của bị hại anh Nguyễn Công T1 và anh Lương Văn H.

- Lời khai của những người làm chứng anh Phan Viết G và Nguyễn Văn T2.

- Trích xuất hình ảnh camera quay lại diễn biến hành vi của Lê Viết D và Phạm Văn T vào hồi 12 giờ 57 phút đến 13 giờ 02 phút ngày 24/01/2021; Kết luận giám định dữ liệu điện tử số 31/KL-PC 09 (Đ3) ngày 21/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “01 (một) video “Filel.MP4” được lưu trữ trong 01 (một) USB màu nhãn bạc nhãn hiệu Kingston, dung lượng 8GB gửi tới giám định hoạt động bình thường, không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa”.

Có đầy đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/01/2021 đến ngày 28/01/2021, các bị cáo Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T đã cùng nhau bàn bạc rồi sau đó dùng lời nói, hành động uy hiếp tinh thần các anh Nguyễn Công T1 và Lương Văn H, làm cho anh T1, anh H do lo sợ ảnh hưởng đến công việc kinh doanh nên đã buộc mỗi người phải đưa số tiền là 5.500.000 đồng cho các bị cáo. Do đó, hành vi dùng thủ đoạn khác uy hiếp về mặt tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Việc trong quá trình điều tra cũng như tại phần đầu xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Viết D không thừa nhận hành vi phạm tội chỉ là do sự khai báo thiếu thành khẩn của bị cáo để trốn tránh trách nhiệm mà thôi.

[2.2]. Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Mặc dù các bị cáo cùng nhau chiếm đoạt thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự liên kết chặt chẽ trong hành vi phạm tội, không phải là phạm tội có tổ chức nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho các chủ sở hữu cũng như gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài, ăn chơi của bản thân, các bị cáo đã không chịu lao động mà thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh và táo bạo ngay tại nơi tập trung đông người. Đặc biệt, thời điểm các bị cáo phạm tội là dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, tại thời điểm này tình hình phạm tội trên địa bàn thành phố Vinh đang có xu hướng diễn ra phức tạp, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm và

cách ly ra khỏi xã hội đối với các bị cáo mới đảm bảo giáo dục chung cũng như phòng ngừa riêng.

[2.3]. Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án Hội đồng thấy rằng:

Bị cáo Lê Viết D là người đã đề xướng việc phạm tội và sau đó lại cùng với Nguyễn Văn M và Phạm Văn T trực tiếp thực hiện hành vi nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo lại cùng với các đồng phạm thực hiện hai hành vi cưỡng đoạt nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo lại có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xử phạt nhiều lần nhưng không chịu lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục dẫn thân vào con đường phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức pháp luật kém, thiếu ý chí tu dưỡng, rèn luyện để sửa chữa sai lầm. Vì vậy, cần lên cho bị cáo một mức án cao hơn các đồng phạm khác và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo sau khi được xét hỏi đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đã thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn M và Phạm Văn T tuy giữ vai trò thứ yếu hơn Lê Viết D nhưng cũng là đối tượng tham gia tích cực vào việc thực hiện hành vi cưỡng đoạt nên cũng cần phải xét xử nghiêm. Bị cáo M tuy chỉ thực hiện một hành vi phạm tội nhưng lại có nhân thân xấu, đã bị xử phạt nhiều lần trong đó lần này phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án trước, thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS còn bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nhưng lại thực hiện hai hành vi cưỡng đoạt nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tích cực tác động đến gia đình để thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại; tại phiên tòa các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bản thân bị cáo M lại là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi còn trong gia đình bị cáo T lại có bố đẻ và ông nội là những người có công với cách mạng, được tặng thưởng Bằng khen và nhiều Huân, huy chương nên cần áp dụng các điểm b, q, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo M; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T để xử phạt các bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên và luật sư bào chữa cho bị cáo M tại phiên tòa.

[2.3]. Trong vụ án này, Phạm Văn T còn khai nhận vào ngày 20/01/2021, khi T san bãi đất trống để bán đào tại khu vực xóm 19, xã N, thành phố V thì T đã đưa cho Lê Viết D số tiền 7.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa T khai rằng việc nộp tiền này là hoàn toàn tự nguyện, không do bị ép buộc, đe dọa gì; còn Lê Viết D cũng không thừa nhận hành vi nhận tiền của T nên chưa đủ cơ sở để kết luận Lê Viết D có hành vi chiếm đoạt số tiền trên của Phạm Văn T.

[2.4]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại là các anh Nguyễn Công T và Lương Văn H đều yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự số tiền 5.500.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền 5.500.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt của anh Lương Văn H, đã bị cơ quan điều tra thu giữ khi các bị cáo bị bắt quả tang nên cần trả lại cho anh H. Đối với số tiền 5.500.000 đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Công T1, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện nộp tại cơ quan thi hành án để thực hiện việc bồi thường cho anh T1; tại phiên tòa bị cáo T không yêu cầu xem xét phân chia trách nhiệm bồi thường với bị cáo Lê Viết D nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn T là bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T1 số tiền 5.500.000 đồng. Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra, các bị hại đều yêu cầu các bị cáo bồi thường 100.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần và thiệt hại kinh tế do hành vi phạm tội gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Công T1 đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết sau, không yêu cầu xem xét trong cùng vụ án này vì chưa cung cấp đầy đủ, tài liệu chứng cứ nên cần tách phần bồi thường này ra để giải quyết sau khi anh T1 có yêu cầu. Còn bị hại anh Lương Văn H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết nữa, xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.5]. Về xử lý vật chứng: Đối với 03 điện thoại thu giữ tại ba bị cáo là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Lê Viết D; 1.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn M là số tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Lương Văn H, hiện đang được bảo quản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An nên cần trả lại cho anh H. Riêng số tiền 5.500.000 đồng do bị cáo Lê Viết D thu lợi bất chính từ việc phạm tội của anh Nguyễn Công T1 cần truy thu từ bị cáo D để nộp ngân sách nhà nước. Ngoài ra, có số tiền 1.000.000 đồng do gia đình bị cáo Nguyễn Văn M tự nguyện nộp tại cơ quan thi hành án để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại thì cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T** đều phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”.

*. Áp dụng: - Khoản 1 Điều 170; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Viết D.

- Khoản 1 Điều 170; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Khoản 1 Điều 170; điểm b, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Xử phạt: - Bị cáo **Lê Viết D: 18 (Mười tám)** tháng tù; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/8/2021.

- Bị cáo **Phạm Văn T: 12 (Mười hai)** tháng tù; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 06/8/2021.

- Bị cáo **Nguyễn Văn M: 12 (Mười hai)** tháng tù; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 25/6/2021.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

*. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn T là bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Công T1 là: 5.500.000 đồng (Số tiền này đã được gia đình bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền số 0002142 ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh).

- Ngoài số tiền 5.500.000 đồng nêu trên, bị hại anh Nguyễn Công T1 có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và tài sản bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

*. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015:

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số sim 0915.501970 thu giữ của Lê Viết D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số sim 0978.682882 thu giữ của Nguyễn Văn M; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng có số sim 0982.134171 thu giữ của Phạm Văn T.

- Trả lại cho anh Lương Văn H số tiền 5.500.000 đồng thu giữ tại bị cáo Lê Viết D và bị cáo Nguyễn Văn M.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước tại bị cáo Lê Viết D số tiền: 5.500.000 đồng.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Nguyễn Văn M số tiền: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

(Số vật chứng này hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh và Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An theo Phiếu nhập kho số NK 2021/341 ngày 11/8/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh; Phiếu nhập kho nhập TK 9911 ngày 03/3/2021 của Kho bạc nhà nước Nghệ An và Biên lai thu tiền số 0002141 ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh).

. Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Lê Viết D, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga

